|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 437/TTr-UBND | *Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 12 năm 2016* |

**TỜ TRÌNH  
Về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng  
các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh  
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ các Luật chuyên ngành; Nghị định của Chính phủ; Thông tư, Thông tư liên tịch hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4056/TTr-STC ngày 18/11/2016 và Tờ trình số 4302/TTr-STC ngày 07/12/2016 về việc mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị có liên quan); Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 440/BC-STP ngày 18/11/2016 và Văn bản số 475/BC-STP ngày 06/12/2016;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Các loại phí đề nghị ban hành:** *(Chi tiết tại Phương án kèm theo)*

1.1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (đối với hoạt động bình tuyển, công nhân do cơ quan địa phương thực hiện).

1.2. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo.

1.3. Phí thăm quan danh lam thắng cảnh (đối với công trình thuộc địa phương quản lý).

1.4. Phí thăm quan di tích lịch sử (đối với công trình thuộc địa phương quản lý).

1.5. Phí thư viện (đối với thư viện thuộc địa phương quản lý).

1.6. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

1.7. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

1.8. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.9. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

1.10. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

1.11. Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

1.12. Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

1.13. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

1.14. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

1.15. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện).

**2. Các loại lệ phí đề nghị ban hành:** *(Chi tiết tại Phương án kèm theo)*

2.1. Lệ phí đăng ký cư trú (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện).

2.2. Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện).

2.3. Lệ phí hộ tịch.

2.4. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện).

2.5. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

2.6. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

2.7. Lệ phí đăng ký kinh doanh.

**3. Các loại phí và lệ phí đề nghị bãi bỏ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phí, lệ phí** | **Lý do bãi bỏ** |
| **I** | **Phí:** |  |
| 1 | Phí qua cầu | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 2 | Phí sử dụng cảng cá | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 3 | Phí dự thi, dự tuyển | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 4 | Phí đấu giá | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 5 | Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính | Chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá |
| 6 | Phí vệ sinh | Chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá |
| 7 | Phí qua đò | Chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá |
| 8 | Phí qua phà | Chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá |
| 9 | Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn | Chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá |
| 10 | Phí chợ | Chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá |
| 11 | Phí trông giữ xe | Chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá |
| **II** | **Lệ phí:** |  |
| 1 | Lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác và sử dụng nước dưới đất | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 2 | Lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng mặt nước | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 3 | Lệ phí cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 4 | Lệ phí cấp giấy phép xả thải vào công trình thủy lợi | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 5 | Lệ phí cấp biển số nhà | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 6 | Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh bằng xe ô tô | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |
| 7 | Lệ phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh | Không có trong Danh mục kèm theo Luật Phí và lệ phí |

**4. Đối với các khoản phí, lệ phí chưa trình tại Kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII:**

Đối với các khoản phí, lệ phí nằm trong Danh mục Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí nhưng chưa trình tại Kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, khi có văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương và căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, thẩm định phương án phí, lệ phí, trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp gần nhất.

**5. Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**6. Các Văn bản bị thay thế khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành:**

Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ theo Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố Trung ương hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Các đại biểu HĐND tỉnh;  - Chánh, các PVP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, TKCT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Đặng Quốc Khánh** |